

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 10-09-2019.

V/v “Tranh chấp HNGĐ – Xin ly
hôn, nuôi con, chia tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp;

2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con, chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Võ Văn D**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị C**; sinh năm 1973;

KHTT: Ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Anh Dũng có mặt, chị Chúc vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2019 và tại phiên tòa hôm nay anh Võ Văn D là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh D và chị C tổ chức đám cưới vào năm 1991, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 20/12/2002. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 không còn hòa hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn trầm trọng thì chị C bỏ nhà đi. Nay, anh D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết cho anh được

ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Ngọc TH, sinh ngày 09/3/1992 và Võ Văn T, sinh ngày 18/9/1996. Hiện 02 con chung sống với anh D nhưng đã trưởng thành nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đã biết rõ nội dung khởi kiện của anh D nhưng không có văn bản ý kiến và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:

1. Giấy CMND, sổ hộ khẩu (photo);
2. Trích lục kết hôn, trích lục khai sinh (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Võ Văn D có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ*”.

Chị Nguyễn Thị C là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy Anh D và chị C tổ chức đám cưới vào năm 1991, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 20/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 không còn hòa hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn trầm trọng thì chị C bỏ nhà đi. Anh D đã khuyên chị C nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Xét thấy hôn nhân giữa anh D và chị C là hợp pháp, anh D yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, bởi vì: mâu thuẫn giữa anh D và chị C đã trầm trọng, không

ai quan tâm nhau, Anh và chị C đã ly thân từ tháng năm 2014 đến nay. Trong thời gian sống xa nhau, anh và chị C đều có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện nay, cả hai người có cuộc sống riêng, điều này cho thấy hôn nhân giữa hai người không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài. Nay, anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị C, xét thấy là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Ngọc TH, sinh ngày 09/3/1992 và Võ Văn T, sinh ngày 18/9/1996. Hiện 02 con chung sống với anh D nhưng đã trưởng thành trên 18 tuổi, tự lao động sinh sống được anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo biên lai số 0006488 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Văn D.

- Về con chung: Hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: anh Võ Văn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006488 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng

